

Bản án số: 384/2017/HSPT
Ngày 25 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Tú Oanh

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Ông Đỗ Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 231/2017/HSPT ngày 15 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Bùi Quang C, do bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Quang C, sinh năm 1979 tại Hà Tĩnh; HKTT: Thôn Q, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Bùi Quang D, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; Vợ Phạm Thị T, sinh năm 1979; Có 02 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 20/7/2016. Hiện đang bị tạm giam – Có mặt.

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty P có trụ sở đóng tại số 2A đường số 8, khu công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là doanh nghiệp 100% vốn Hàn Quốc, chuyên sản xuất ba lô, túi xách xuất khẩu và nguyên liệu sản xuất là vải nhập khẩu từ Hàn Quốc.

Năm 2003, Lê Vĩnh S làm công nhân tại tổ cắt của công ty P là doanh nghiệp 100% vốn Hàn Quốc, chuyên sản xuất ba lô, túi xách xuất khẩu, đến năm 2007 thì Lê Vĩnh S nghỉ việc.

Trong thời gian làm công nhân tại Công ty P, biết Công ty P quản lý tài sản rất lỏng lẻo nên Lê Vĩnh S có ý định cấu kết với những công nhân đang làm việc trong công ty cùng trộm cắp vải nguyên liệu của công ty để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Thực hiện ý định, khoảng tháng 6/2010, S móc nối với số công nhân đang làm việc trong công ty gồm Vũ Phước T là tổ trưởng tổ cắt 2B, Lê D và Trần Tuấn V là nhân viên nhận vải cho tổ cắt 2B, Võ Trọng P là công nhân tổ cắt 2B, Phạm Châu K là giám đốc xưởng 2A, Hoàng Trọng L là tổ trưởng tổ cắt 2C và Bùi Quang C là tổ phó tổ cắt 2C để bàn bạc hình thành đường dây trộm cắp nguyên liệu của công ty đưa ra ngoài bán cho Nguyễn Thanh P, Phan Văn K và các đối tượng tên H, Đ, H, N (hiện chưa rõ lai lịch) với cách thức phạm tội như sau:

Tùy theo yêu cầu của Phan Văn K, Nguyễn Thanh P, Đ, H và N cần mua vải cắt sẵn theo số lượng và các mẫu hàng như Hotshot, Surge, Boxshot, Borealis mà S trực tiếp liên hệ với Vũ Phước T để Thái điều phối việc lấy trộm và cắt vải cho S theo đúng số lượng và mã hàng yêu cầu. Sau đó, S liên hệ với Hoàng Trọng L, Bùi Quang C, Trần Tuấn V để hàng ngày lấy vải dư nguyên liệu rồi gom lại giao cho T và Võ Trọng P cắt thành “kích” (“kích” là vải cắt sẵn thành hình chiếc túi để đưa ra ngoài may gia công thành phẩm). Nếu vải lấy trộm không đủ để cắt theo số lượng S yêu cầu thì T kêu Trần Tuấn V qua kho 2B gặp Lê Xuân H là người xuất vải cho tổ cắt để mua lại vải trong kho nơi H đang làm việc với giá rẻ đem về cho T và P cắt (vải này Lê Xuân H cũng lợi dụng việc H làm công việc xuất vải nên lấy dư số vải theo số lượng trong phiếu xuất để bán cho Tuấn V). Ngoài ra, để có sơ đồ túi theo mã hàng mà Sinh yêu cầu, T trực tiếp liên hệ với Nguyễn Hồng V làm ở bộ phận in ấn sơ đồ để V in sơ đồ các loại túi cho T đem về để căn cứ theo đó cắt vải cho S, mỗi lần V in sơ đồ cho T thì S thông qua T trả cho V từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Sau khi cắt đủ số lượng vải theo yêu cầu của S thì T báo cho Lê D biết chỗ để vải đã cắt và đặc điểm nhận biết bao chứa hàng để D cùng Phạm Châu K, Trần Văn L là tài xế lái xe ô tô tải biển số 52LD-0147 của công ty và Nguyễn Đình T là tài xế xe nâng trong công ty trà trộn với hàng của công ty mang đi gia công bên ngoài để mang ra khỏi công ty giao cho S. Với thủ đoạn nêu trên, từ tháng 6/2010 đến tháng 9/2011, Bùi Quang C cùng các đồng phạm đã thực hiện 04 vụ trộm cắp nguyên liệu của công ty.

Căn cứ Biên bản kết luận định giá tài sản số: 243/BB.ĐG ngày 16/10/2012 của Hội đồng định giá tài sản thị xã D, tỉnh Bình Dương kết luận tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị như sau:

Năm 2010: Vải NY6 BALLISTICS1680D PU1500MM NFDH-1424 58” có giá: 105.638đ/m; vải NY6 1680d BR TM PU100g TD # 71 58” có giá: 110.609

đồng/m; vải NY6 210d PUx1TIME NFDH-1111 58” có giá: 22.785 đồng/m; vải NY6 420d HIGH DENSITY WR PU 1500mm NFDH-1224 58” có giá: 47.641 đồng/m; vải NY6 420d SD HD PU70g TD#70 58” có giá: 55.305 đồng/m; vải POLY 600d TD#28 58” có giá: 36.455 đồng/m.

Năm 2011: Vải NY6 BALLISTICS1680D PU1500MM NFDH-1424 58” có giá: 125.333 đồng/m; vải NY6 1680d BR TM PU100g TD # 71 58” có giá: 121.687 đồng/m; vải NY6 210d PUx1TIME NFDH-111 58” có giá: 29.396 đồng/m; vải NY6 420d HIGH DENSITY WR PU 1500mm NFDH-1224 58” SEMIDULL có giá: 58.337 đồng/m; vải NY6 420d SD HD PU70g TD#70 58” có giá: 60.843 đồng/m; vải POLY 600d TD#28 58” có giá: 43.297 đồng/m.

Tháng 6/2012, Bùi Quang C biết vụ việc Lê Vĩnh S cùng các đồng phạm trộm cắp tài sản của công ty bị cơ quan công an phát hiện, bắt giữ và khởi tố nên Bùi Quang C bỏ trốn đến ngày 20/7/2016 bị Phòng cảnh sát truy nã tội phạm Công an tỉnh Lâm Đồng lập biên bản bắt người đang bị truy nã và chuyển giao cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để phục hồi điều tra bị can. Bùi Quang C khai nhận từ tháng 6/2010 đến đầu năm 2011, C tham gia 04 vụ trộm (từ vụ thứ nhất đến vụ thứ tư) và được Hoàng Trọng L chia cho tổng số tiền 1.300.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm 16/2017/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quang C phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 ; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015,

Xử phạt bị cáo Bùi Quang C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2016

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 05/4/2017 bị cáo Bùi Quang C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Bùi Quang C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở khẳng định bản án số 16/2017/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã xét xử đối với bị cáo

Bùi Quang C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

Bị cáo Bùi Quang C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức quá nghiêm khắc, gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong nhà, gia đình bị cáo có công Cách mạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Quang C, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng bị cáo vẫn tham gia thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo C không những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự trị an của xã hội. Tuy nhiên, bị cáo chỉ tham gia với vai trò giúp sức thứ yếu, số tiền thu lợi bất chính chỉ có 1.300.000đ, sau khi bị bắt đã nộp lại toàn bộ, gia đình bị cáo có công cách mạng, bố là thương binh hạng 4/4. Như vậy, mặc dù bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 thì bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ và bị cáo C chỉ tham gia với vai trò giúp sức thứ yếu. Có nghĩa là, bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng điều 47 bộ luật hình sự để xử dưới khung hình phạt, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo C mức án 07 năm tù là quá nghiêm khắc. Mặt khác, Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay bị cáo C có tình tiết giảm nhẹ mới, đó là vợ bị cáo đang bị bệnh nặng nên bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, thấy nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo C, áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn khung hình phạt quy định là thoả đáng.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Quang C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Quang C. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quang C phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt bị cáo Bùi Quang C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2016.

Tuyên tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Quang C để đảm bảo cho việc thi hành án.

2/ Về án phí: Bị cáo Bùi Quang C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- TTG công an tỉnh Bình Dương
- (Tổng đạt cho bị cáo (1));
- Lưu (3) 15b (Án39)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Tú Oanh